

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/ HNGĐ - ST

Ngày 27/9/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Vũ Thị Linh

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Đức Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2022/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh H;

**- Bị đơn:** Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh H;

Chị L vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt), anh Đ vắng mặt (không có lý do).

**- Những người làm chứng:**

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963

2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1965

Đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị L và anh Đ kết hôn ngày 05/01/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là phường V), thành phố C, tỉnh H. Khi đó, chị L 20 tuổi làm công nhân ở V, anh Đ 23 tuổi làm nghề thợ xây tại khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh H. Anh chị có thời gian yêu thương, tìm hiểu nhau được khoảng hơn 02 tháng thì đi đến kết hôn. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh Đ tại khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh H. Do cuộc sống kinh tế gia đình khó khăn anh chị có đi xuất khẩu lao động và đều đã về nước và mở quán bán gà vịt ở chợ C. Trong quá trình làm ăn buôn bán anh chị có xảy ra cãi nhau. Theo chị L trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng với nhau. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi cọ nhau. Anh Đ bắt đầu không tu trí làm ăn lo toan cho gia đình, luôn dựa vào bố mẹ và coi thường gia đình chị L. Sau khi sinh con chị L cũng đi làm nhưng gia đình anh Đ vẫn cho rằng chị không giúp được gia đình nhà chồng. Cuộc sống của chị luôn căng thẳng, ngột ngạt. Tháng 01 năm 2022 chị về nhà bố mẹ đẻ ở K, C sống. Từ đó chị và anh Đ không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng hết sức trầm trọng không thể hàn gắn được, không ai quan tâm đến ai. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Theo anh Đ: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong quá trình vợ chồng chung sống cũng có xảy ra cãi cọ nhau. Lúc đầu chị L có về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh cũng có động viên chị quay về, vợ chồng chung sống làm ăn nuôi dạy con cái nhưng chị không nghe. Bản thân anh không muốn vợ chồng phải ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 31/01/2010 và Phạm Minh N, sinh ngày 13/9/2016. Hiện tại cháu Đ và cháu N đang ở cùng anh Đ. Nếu anh chị ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung. Chị L và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Nếu anh chị ly hôn anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung Phạm Minh Đ, sinh ngày 31/01/2010 và Phạm Minh N, sinh ngày 13/9/2016. Anh Đ yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Chị L hiện làm lao động tự do tại thành phố Chí Linh, thu nhập hàng tháng là 5.000.000 đồng, anh Đ làm lao động tự do tại thành phố C, tỉnh H, thu nhập hàng tháng là 9.000.000 đồng. Anh chị đều có thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ: Chị L và anh Đ đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Bà H- mẹ đẻ chị L trình bày và xác nhận: Chị L và anh Đ kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là phường V), thành phố C, tỉnh H. Đến năm 2022, anh chị phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị cãi vã nhau, chị L về nhà bà ở khu dân cư K,

phường C sinh sống. Bà và gia đình có khuyên bảo động viên chị L nhưng chị L không quay về chung sống với anh Đ nữa. Chị L xác định không còn tình cảm với anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị. Nếu chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu nào thì bà đều hỗ trợ chị L trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Bà Đ - mẹ đẻ anh Đ trình bày và xác nhận: Chị L và anh Đ kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là phường V), thành phố C, tỉnh H. Quá trình chung sống do kinh tế khó khăn anh chị đi nước ngoài làm ăn nhưng khi về nước vẫn còn nợ. Đầu năm 2022 anh chị về nước và có mở bán hàng gà vịt ở C. Anh chị phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng, cãi vã nhau. Từ đó chị L về hẳn nhà bố mẹ đẻ chị ở C không quay lại chung sống cùng anh Đ nữa. Nay chị L xin ly hôn anh Đ, quan điểm của bà là mong muốn vợ chồng anh chị về chung sống với nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Nếu chị L và anh Đ ly hôn thì nguyện vọng của gia đình đề nghị Tòa án giao cả hai con chung của anh chị cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đ. Nếu anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cháu nào thì bà đều hỗ trợ anh Đ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Qua xác minh với Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh H- nơi cháu Đ theo học thể hiện: Cháu Đ bị câm điếc bẩm sinh từ bé, cháu không nghe nói được mà chỉ dùng ký hiệu ra dấu và ghi được tên và họ tên của mình. Cháu Đ học tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh H được 6 năm. Hiện cháu là học sinh lớp 5A, khối lớp khuyết tật nghe nói của trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh H. Quá trình cháu Đ theo học tại trung tâm đều là do bố cháu và ông bà nội đưa đón và nộp các khoản đóng góp cho cháu cũng như quan tâm và hỏi thăm việc ăn ở cũng như tình hình học tập của cháu tại trung tâm. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng bố và ông bà nội.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư K, phường V xác định: Quá trình mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ địa phương không nắm được. Chỉ xác định được khoảng đầu năm 2022, chị L về nhà bố mẹ đẻ ở C và không ở cùng với anh Đ.

Tại phiên tòa:

Chị L và anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4

Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn Đ. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 31/01/2010 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác; Giao con chung là Phạm Minh N, sinh ngày 13/9/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn đối với anh Phạm Văn Đ có địa chỉ cư trú tại phường V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn Đ là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, chị L vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh Đ.

#### **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về việc sinh hoạt hằng ngày, làm ăn kinh tế, cư xử với hai bên. Anh chị đã có lời lẽ không tôn trọng và xô xát lẫn nhau. Anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế từ đầu năm 2022 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị L anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

#### **[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:**

Anh chị có hai con chung là Phạm Minh Đ, sinh ngày 31/01/2010 và Phạm Minh N, sinh ngày 13/9/2016. Hiện tại cháu Đ và cháu N đang do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị L và anh Đ thấy rằng: Chị L và anh Đ đều làm lao động tự do. Do vậy, việc giao cả 02 con cho một bên nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo điều kiện tốt nhất cho 02 cháu. Anh chị đều có việc làm, thu nhập, có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Chị L và anh Đ đều được sự hỗ

trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng các cháu. Nguyên vọng nuôi dưỡng con chung của anh chị đều chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ. Tuy vậy cháu N nhỏ hơn cần có mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn cháu Đ có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội hiện đang ở với anh Đ vẫn được anh Đ chăm sóc tốt nên giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào là phù hợp điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Phạm Minh Đ cho anh Điệp tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Minh N cho chị Lương trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung.

2.3]. Về cấp dưỡng: Xét chị L tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần được chấp nhận. Anh Đ đề nghị nuôi cả hai con chung và đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Nhưng chị L và anh Đ mỗi người nuôi 01 con chung, nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào.

2.4]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Phạm Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 31/01/2010 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Phạm Minh N, sinh ngày 13/9/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị Lg và anh Đ không

phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Chị L, anh Đ có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0003040 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- UBND phường Văn An, thành phố Chí Linh(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Vân Anh**